TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2025/HNGĐ – ST
Ngày: 06/02/2025
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thành Đô;
2/ Bà Trần Ngọc Thiện;
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024, về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Đắc Đ, sinh năm: 1964
Nơi cư trú: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Nh, sinh năm: 1969
Nơi cư trú: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Đắc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vũ Thị Nh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông và bà Vũ Thị Nh chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên đến năm 2013 vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay vợ chồng không còn tình cảm, mẫu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên ông yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Vũ Thị Nh.

Về con chung: Ông và bà Vũ Thị Nh có 02 con chung tên là Bùi Thị Nh, sinh năm: 1990 và Bùi Ngọc S, sinh năm: 1993. Hai con đã thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Đắc Đ (là nguyên đơn) vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà Vũ Thị Nh (là bị đơn) vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Đắc Đ và bà Vũ Thị Nh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đắc Đ khai nhận ông và bà Vũ Thị Nh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".* Do đó quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Đắc Đ và bà Vũ Thị Nh không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đắc Đ: Theo lời khai của ông Bùi Đắc Đ khai nhận quá trình chung sống giữa ông và bà Vũ Thị Nh xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vả. Nay ông Bùi Đắc Đ không thể tiếp tục chung sống và yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đắc Đ về quan hệ hôn nhân.

[4] Về con chung: Ông Bùi Đắc Đ khai nhận ông và bà Vũ Thị Nh có 02 con chung tên là Bùi Thị Nh, sinh năm: 1990 và Bùi Ngọc S, sinh năm: 1993. Lời khai của ông Bùi Đắc Đ phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Ông Bùi Đắc Đ, chị Bùi Thị Nh và anh Bùi Ngọc S đều thừa nhận chị Bùi Thị Nh và anh Bùi Ngọc S đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự,

không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Ông Bùi Đắc Đ và bà Vũ Thị Nh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Bùi Đắc Đ và bà Vũ Thị Nh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Bị đơn bà Vũ Thị Nh đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, được xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[8] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn ông Bùi Đắc Đ phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đắc Đ. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Đắc Đ và bà Vũ Thị Nh.

2. Về con chung: Ông Bùi Đắc Đ và bà Vũ Thị Nh có 02 con chung tên là Bùi Thị Nh sinh năm: 1990 và Bùi Ngọc S sinh năm 1993. Bùi Thị Nh và Bùi Ngọc S đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Ông Bùi Đắc Đ và bà Vũ Thị Nh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Ông Bùi Đắc Đ và bà Vũ Thị Nh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn ông Bùi Đắc Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009336 ký ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong*).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ky

Trần Thị Phương Hạnh